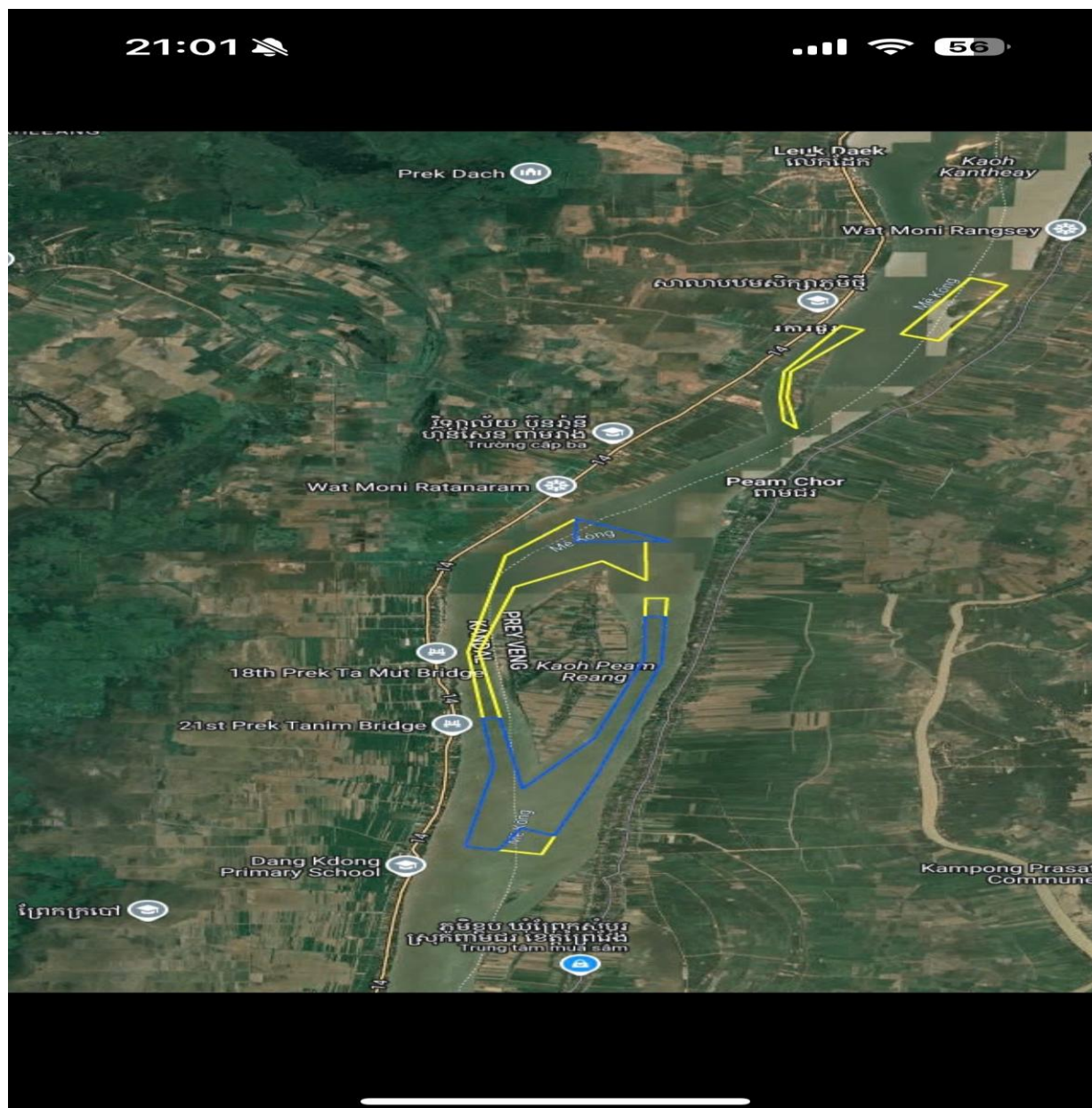


QUY TRÌNH CÁT NHẬP TUẦN HẢI PHÁT

I. Quy trình nhập cát

_Salan khởi hành từ phao số 0 của khẩu Thường Phước tỉnh Đồng Tháp sang Campuchia đi tới mỏ cát. Dự kiến thời gian 1h15p

Sau khi đến mỏ, cấp ụ bơm bắt đầu bơm cát



(Hình ảnh khu vực khai thác)







(Hình ảnh salan đang bơm cát)

Thời gian bơm dự kiến 1h30 là 1000m³

_Sau khi được bơm đầy, salan bắt đầu quay về tới cửa khẩu Thường Phước là 2h. Làm thủ tục về Việt Nam

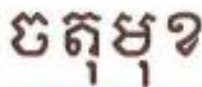


(Hình ảnh Salan bơm đầy, quay đầu về Việt Nam)

II. Quy Trình Thủ Tục

_Sau khi bơm cát đầy, sà lan di chuyển về khu vực Hải Quan Campuchia để làm thủ tục xuất cát về Việt Nam. Đối tác Chaktomuk xuất Invoice, Packing List, Bill Of Landing.

Shipper: CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. ADD: CONCRETE STREET, PHUM DOEUM MAKLEU, SANGKAT CHBAR AMPOV1, KHAN CHBAR AMPOV, PHNOM PENH, CAMBODIA.		BILL OF LADING B/L HP108/2025EX	
Consigner: CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Twon Ba Ria-Vung Tau Province, Vietnam			
Notify Party: SAME AS CONSIGNEE			
Name of Barge: AG-22507	Vessel Barge: KAORM SAMNOR, CAMBODIA	Port of Discharging: THUONG PHUOC - VIET NAM	
Description of Goods		Gross Weight (MT)	MEASUREMENT (CBM)
RIVER SAND		1,244.800 MTs	778.00 M³
	Remark: 1 Cubi Meter(M³)=1.6 Metric Ton(MT)	SAID TO: CLEAN ON BOARD The Carrir not deing responsible for loss or damage however arising, the Shipper will be responsible.	
	Freight Term: FREIGHT PREPAID	Number of Original 03	Place and Date of Issue: KAORM SAMNOR February 27, 2025
	SHIPPER/CARRIER  VICHETH REASEY		



ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ ធនធាន ផ្គត់ផ្គង់ ចេញនាំ
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

INVOICE

No: HP108/2025EX

Date: February 27, 2025

BUYER NAME:

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DỊCH VỤ TẠM HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam

SELLER NAME:

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khleu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAHM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-22507

No	Description	QUANTITY(M ³)	UNIT PRICE CUBIC METER	Amount
1	RIVER SAND	778.00	\$ 6.50	\$ 5,067.00
CFR Thuong Phuoc, Dong Thap, Vietnam				\$ 5,057.00

SAY IN WORDS: Five Thousand Fifty Seven Dollars and No Cents

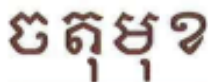
Note: 1 Cubic Meter (M³)=1.35 Metric Ton (MT)

Value for Customs Purposes Only

SIGNATURE



VICHETH REASEY



សមាស ស៊ីធីធី អ៊ីម៉ូត អិចផ្កា ខ.ខ
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

PACKING LIST

No: HP108/2025EX

BUYER NAME:

Date: February 27, 2025

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam

SELLER NAME:

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-22507

No	Description	WEIGHT (MT)	MEASUREMENT(M ³)
1	RIVER SAND	1,244.800	778.00
TOTAL AMOUNT (M ³)			778.00

Note: 1 Cubic Meter (M³)=1.6 Metric Ton (MT)

SIGNATURE



VICHETH REASEY

ផ្ទះលេខ២៣១/២ ផ្លូវលេខ ៦៤២ ភូមិដើមមាត់ជ្រៃ សង្កាត់ច្បារអំដៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំដៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ(Tel): (885) 12 262 784
#23122, St 642 Phum Daeum Machloea, Sangkat Chbar Ampov1, Khan Chbar Ampov, PP. Email: Chaktomukresourcesupply1@gmail.com

_Đầy đủ giấy tờ Công Ty Tuấn Hải Phát mở tờ khai, có kết quả phân luồng bắt đầu tiến hành nộp thuế -> thông quan tờ khai -> giám định khối lượng + test mẫu cát tại cửa khẩu Thường Phước.

1/3

<IMP> **Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)** **0697401810**

Số tờ khai	106974018100	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng		Mã loại hình	All 6 [4]
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	2505
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	THPHUOCDT	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	27/02/2025 10:10:12	Ngày thay đổi đăng ký	/ /
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

Người nhập khẩu

Mã 3502350772
Tên CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT

Mã bưu chính 84
Địa chỉ Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu

Số điện thoại 0915830930

Người ủy thác nhập khẩu

Mã
Tên

Người xuất khẩu

Mã
Tên CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

Mã bưu chính
Địa chỉ CONCRETE STREET, DERM MAK KHLOEU VILLAGE, CHBAR AMPOV 1 QUATER
KH BAR AMPOV DISTRICT, PHNOM PENH CAPITAL, KINGDOM OF CAMBODIA

Mã nước KH

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn 1 HP108/2025EX 2 3 4 5 Số lượng 1 ZZ Tổng trọng lượng hàng (Gross) 1.244,8 TNE Số lượng container	Mã nhân viên Hải quan Địa điểm lưu kho 49BBGBB CCHQCK THƯƠNG PHUOC Địa điểm dỡ hàng VNTHC CK THƯƠNG PHUOC (DT) Địa điểm xếp hàng KHZZZ OTHER Phương tiện vận chuyển 9999 AG - 22507 Ngày hàng đến 27/02/2025 Ký hiệu và số hiệu Ngày được phép nhập kho đầu tiên Mã văn bản pháp quy khác NM
---	---

Số hóa đơn A - HP108/2025EX

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 27/02/2025

Phương thức thanh toán KC

Tổng trị giá hóa đơn A - CFR - USD - 5.057

Tổng trị giá tính thuế 128.194.950

Tổng hệ số phân bổ trị giá 5.057 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu	2	3
1	5	
4		

Mã phân loại khai trị giá 6

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ

1	-	-	-	-
2	-	-	-	-
3	-	-	-	-
4	-	-	-	-
5	-	-	-	-

Chi tiết khai trị giá

Phương thức thanh toán: TT. Miễn kiểm số 2356/SXD-KT&VLXD ngày 28/08/2024.

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng	Tổng tiền thuế phải nộp	12.819.495	VND
1 V Thuế GTGT	12.819.495	VND	Số tiền bảo lãnh		VND
2		VND	Tỷ giá tính thuế	USD	25.350
3		VND			
4		VND			
5		VND			
6		VND	Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế
			Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế
			Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai
					1

(Hình ảnh tờ khai phân luồng 1/3)

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **106974018100** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 6 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **2505**
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **THPHUOCDT** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
Ngày đăng ký **27/02/2025 10:10:12** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
Số đính kèm khai báo điện tử **1** - **2** - **3** -
Phần ghi chú **HENB số EXP-143/2024 ngày 18/07/2024 & Phụ lục số 01 ngày 18/01/2025**

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng	
Phân loại chỉ thị của Hải quan		00107	
Ngày	Tên	Nội dung	
1 / /			
2 / /			
3 / /			
4 / /			
5 / /			
6 / /			
7 / /			
8 / /			
9 / /			
10 / /			

Mục thông báo của Hải quan
Ngày khai báo nộp thuế / /
Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)
Địa điểm Ngày đến / / Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển 1 / / ~ / /
2 / / ~ / /
3 / / ~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

(Hình ảnh tờ khai phân luồng 2/3)

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **106974018100** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 6 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **2505**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **THPHUOCDT** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **27/02/2025 10:10:12** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>
 Mã số hàng hóa **25051000** Mã quản lý riêng
 Mô tả hàng hóa **Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (Cát oxit silic)** Mã phân loại tái xác nhận giá ()

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	778	MTQ
Trị giá hóa đơn	5.057	Số lượng (2)	1.244.800	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	6,5 - USD	MTQ
Trị giá tính thuế (S)	128.194.950 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	164.775 - VND	MTQ
Thuế suất A 0%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	KH - CAMBOD - B01	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	128.194.950 VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	12.819.495 VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

(Hình ảnh tờ khai phân luồng 3/3)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu số: C1-02/NS (Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Mã hiệu: ATAX/15
Số: E202502280000561546
Số tham chiếu :25337282100

Loại tiền: VND ■ USD ☐ khác:

Người nộp thuế: CTY TNHH TM VÀ DV TUAN HAI PHAT

Mã số thuế: 3502350772

Địa chỉ: TO 1 KP TAN HANH, Phường Phú Mỹ Thị xã Phú Mỹ TỈNH BA RIA - VUNG TAU

Quận/Huyện:

TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân Hàng TMCP Á Châu

Trích TK số: 336666778

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ■ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

Tại KBNN: KBNN Hong Ngu - Dong Thap

Tỉnh, TP: Dong Thap

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Cong Thuong CN Dong Thap

Nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐ Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu:

STT	Phần dành cho NNT ghi				Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
	Số tờ khai / Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày tờ khai	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Mã tiểu mục	Mã chương
1	10697401810	27-02-2025	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu qua biên giới đất liền)	12,819,495	1702	754
2						
3						
4						
Tổng cộng				12,819,495		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MUOI HAI TRIEU TAM TRAM MUOI CHIN NGAN BON TRAM CHIN MUOI LAM DONG CHAN

<u>PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:</u>	
Mã CQ thu:	Nợ TK:
Mã ĐBHC:	Có TK:
Mã nguồn NSNN:	

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị Thủ quỹ

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

(Hình ảnh giấy nộp tiền thuế)

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106974018100	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	6	[4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	2505		
Ngày đăng ký	27/02/2025 10:10:12	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00		
Số định kèm khai báo điện tử	1	Ngày thay đổi đăng ký	2	-	
Phần ghi chú	HDMB số EXP-143/2024 ngày 18/07/2024 & Phụ lục số 01 ngày 18/01/2025				
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng	00107		
Phân loại chỉ thị của Hải quan					
1	Ngày / /	Tên	Nội dung		
2	/ /				
3	/ /				
4	/ /				
5	/ /				
6	/ /				
7	/ /				
8	/ /				
9	/ /				
10	/ /				

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan	Đội Thường Phước-CC HQ Thường Phước
Ngày cấp phép	28/02/2025 16:55:50
Ngày hoàn thành kiểm tra	27/02/2025 13:43:00
Phân loại thẩm tra sau thông quan	
Ngày phê duyệt BP	/ /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP	/ /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu	
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)				
Thông tin trung chuyển	1	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
	2		/ /	/ /
	3		/ /	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế			/ /	

(Hình ảnh tờ khai thông quan 2/3)

<IMP>

3/3

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **106974018100** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 6 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **2505**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **THPHUOCDT** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **27/02/2025 10:10:12** Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa **25051000** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi []
 Mô tả hàng hóa **Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (Cát oxit silic)**

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	778	MTQ
Trị giá hóa đơn	5.057	Số lượng (2)	1.244.800	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	6,5 USD	MTQ
Trị giá tính thuế(S)	128.194.950 VND	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	164.775 - VND	MTQ
Thuế suất A	0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	KH - CAMBOD - B01	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	128.194.950	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	12.819.495	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

(Hình ảnh tờ khai thông quan 3/3)

CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐỒNG THÁP
CHI CỤC HQ CK THƯỜNG PHƯỚC



Ngày 28 Tháng 2 Năm 2025

**DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**

Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát:

Chi cục HQ CK Thường Phước - 49BBGBB: CCHQCK THUONG PHUOC - 6
2. Đơn vị XNK:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT
3. Mã số thuế:

3502350772

6. Ngày tờ khai:

27/02/2025 - 27/02/2025
4. Số tờ khai :

106974018100

7. Loại hình :

Nhập kinh doanh tiêu dùng
5. Trạng thái tờ khai:

Thông quan

8. Luồng:

Vàng
9. Số quản lý hàng hóa:

HP108/2025EX

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TÈ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
	1 OTHER	1.244,8 METRIC-TONS		

Kết xuất dữ liệu lúc:28/02/2025 16:57:19

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa đưa qua KVGs nhiều lần thì đối với từng lần đưa qua KVGs, công chức hải quan thực hiện.
 - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGs
 - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
 - + Khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
 - + Bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2);



BMI
INSPECTION AND SERVICE

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ GIÁM ĐỊNH
BẢO MINH**

Địa chỉ: 85 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0911.768.008 Email: info@baominhinspection.com

Số: 0225.09.27/AG-BMI

Ngày: 27/02/2025

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Ngày yêu cầu giám định	Ngày 27 tháng 02 năm 2025
Đơn vị yêu cầu giám định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT
Tên hàng hóa theo khai báo	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (cát oxit silic)
Phạm vi giám định	Khối lượng/Số lượng hàng hóa
Hồ sơ nhập khẩu khách hàng cung cấp	♦ Hóa đơn số: HP108/2025EX ngày 27/02/2025 ♦ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: 106974018100 ngày 27/02/2025
Nơi giám định	Cửa khẩu quốc tế Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp
Phương pháp giám định	Quy trình giám định số hiệu: BMI-I-QT02
Thời gian giám định	27/02/2025

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Theo yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát, Giám định viên của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh đã có mặt tại địa điểm nói trên để tiến hành đo khối lượng/số lượng hàng hóa, như sau:

STT	Tên tàu	Thể tích hàng thực đo (m3)
01	AG – 22507	778
Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi tám mét khối		

GHI CHÚ:

- Bản chứng thư này xác nhận cho hàng hóa tại thời gian và địa điểm giám định. Và/hoặc căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu liên quan đến đối tượng được giám định. Tên hàng hóa theo khách hàng khai báo.
- Biên bản giám định hiện trường số: 0225.09.27/BBHT ngày 27/02/2025
- Phạm vi giám định theo yêu cầu giám định của "Đơn vị yêu cầu giám định" căn cứ trên luật thương mại về giám định.
- Người nhập khẩu/ Doanh nghiệp nhập khẩu cần thực hiện các thủ tục nhập khẩu theo đúng các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ GIÁM ĐỊNH BẢO MINH

Giám định Viên

HUỖNH CÔNG TÍNH


TUQ. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BMI
THAY MẶT CÔNG TY
CTY CP DV VÀ GIÁM ĐỊNH BẢO MINH

HUỖNH CÔNG TRUNG

(Hình ảnh kết quả giám định)

III. Giao Hàng Và Thanh Toán

1. Giao Hàng

_Đơn vị đo đạc bên Công Ty Tuấn Hải Phát sẽ tiến hành đo đạc sà lan rộng của khách hàng, sau khi xác định khối lượng thùng hàng rộng -> tiến hành cho cạp cát sang tàu khách hàng.

_Salan cạp tại cần cạp bắt đầu sang mạn qua tàu khách, tùy khối lượng tàu thời gian sang mạn dự kiến 3h-5h (1000m³ - 1700m³)

2. Thanh Toán

A. Đối với khách hàng lẻ

_Sau khi cạp đầy salan khách, đơn vị đo đạc tiến hành đo khối lượng thực tế và ra biên bản xác nhận. Xuất đơn cho khách thanh toán

B. Đối với khách hàng công trình

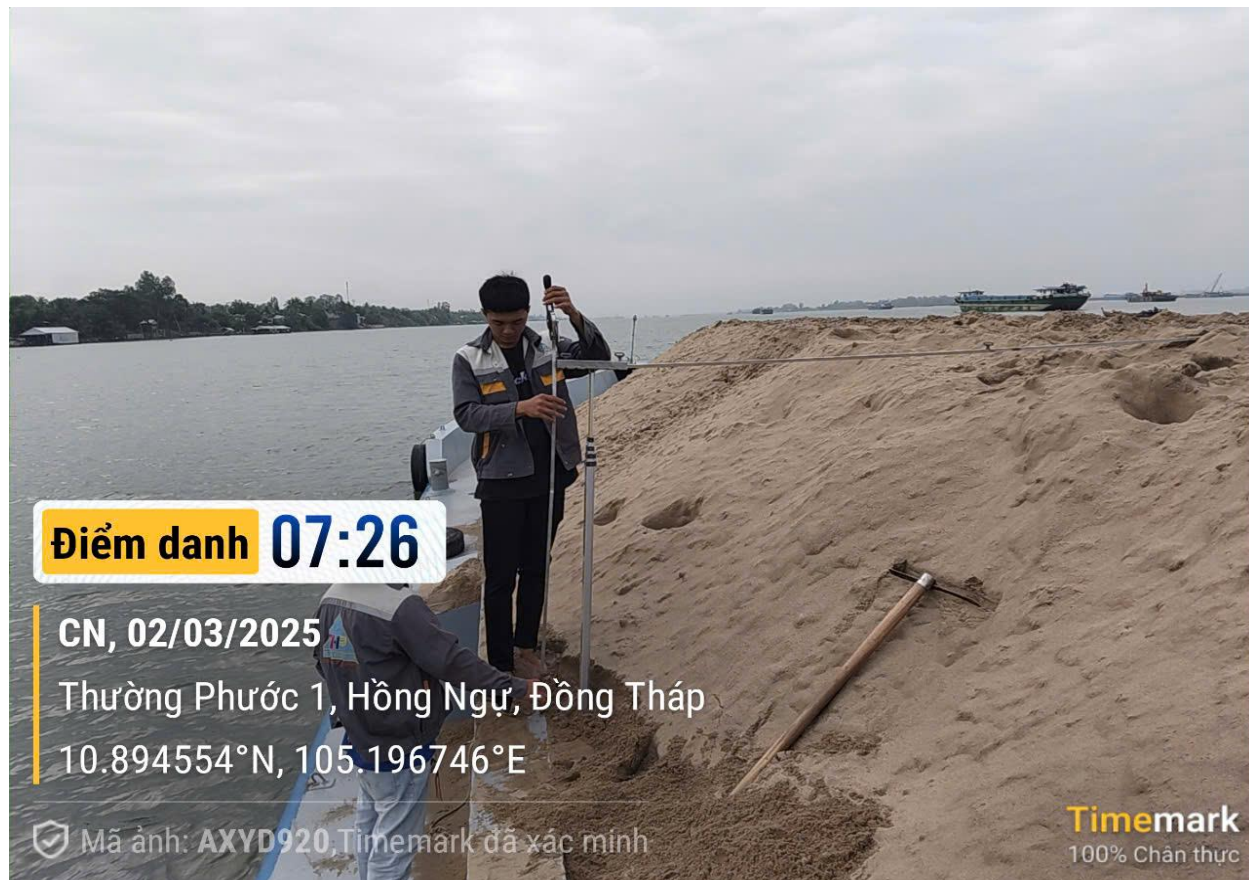
_Cạp sang mạn tại phao số 0 sau đó vận chuyển về công trình. Đến bên công trình bơm hoặc cạp lên công trình. Ra biên bản xác nhận nghiệm thu khối lượng và nghiệm thu với ban điều hành.

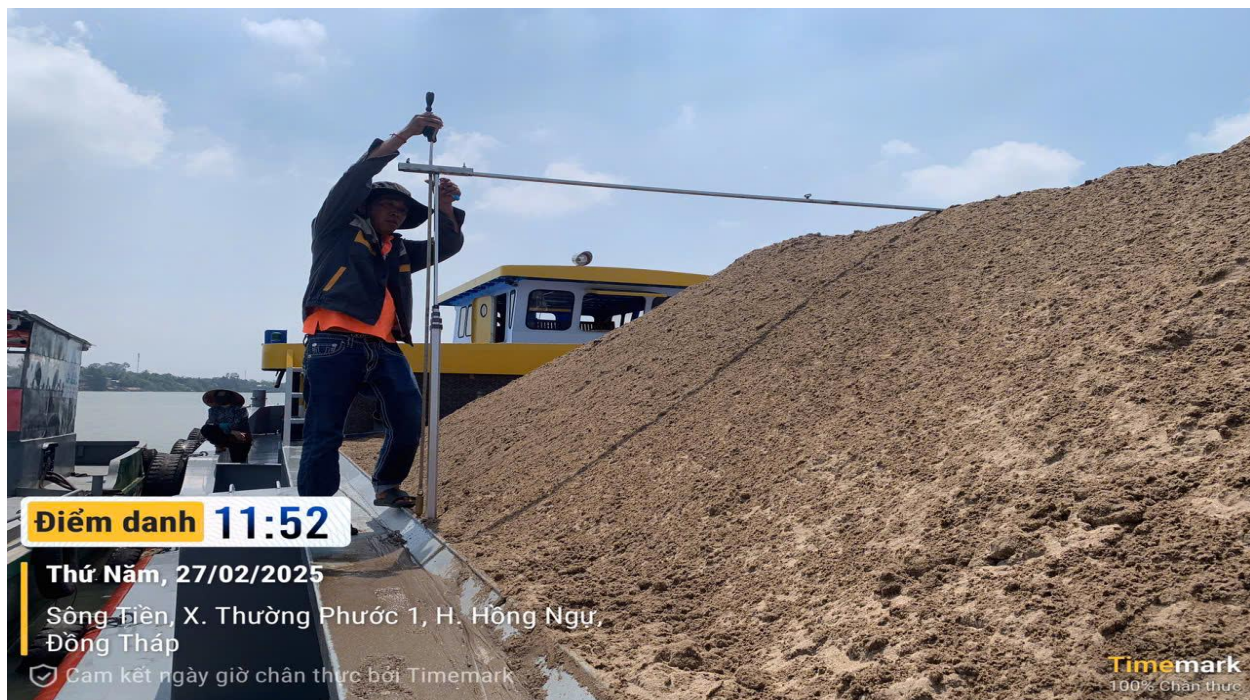
_Sau khi xác nhận nghiệm thu với ban điều hành công trình, làm đề nghị thanh toán khối lượng đã xác nhận (3000m³ – 5000m³) tùy theo hợp đồng.

_Hồ sơ chứng từ gồm : Hoá đơn, biên bản bàn giao, tờ khai. Hình ảnh salan gia công cạp xong hàng.



(Hình ảnh Salan cập sang qua tàu khách)





(Hình ảnh đo sà lan sau khi nhận đầy cát)



Điểm danh **08:28**

Thứ Ba, 25/02/2025

Sông Tiền, X. Thường Phước 1, H. Hồng Ngự,
Đồng Tháp

✓ Cam kết ngày giờ chân thực bởi Timemark

Timemark
Ngày giờ chân thực

(Hình ảnh sà lan khai thác sau khi giao cát cho tàu khách)